

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 385 /2023/DS-PT

Ngày 11 – 08 - 2023

V/v: “ *T/chấp chia di sản thừa kế*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang;

Ông Phí Thành Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn –Thẩm tra viên TAND
Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Lê Đức
Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2023/DSPT ngày 05/4/2023 về “Tranh chấp di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 16/8/2022, TAND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2023/QĐ-XXPT ngày 05/7/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa tiếp theo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo Thạch, sinh năm 1965. Trú tại: Số 19 đường bờ sông Sét, Giáp Tứ, Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung Châu, sinh năm 1959. *Đại diện theo ủy quyền của ông Châu* là bà Nguyễn Thị Vân Anh, sinh năm 1961. Cùng trú tại: Số 15 ngách 143/34 Nguyễn Chính, Giáp Tứ, tổ 28, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Có mặt ông Châu, bà Vân Anh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người thừa kế của cụ Nguyễn Trung Ngọc (đã chết ngày 02/11/2007) và cụ Nguyễn Thị Tở (đã chết ngày 25/6/2023):

3.1.1. Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Hoa (Chết năm 1992): Ông Nguyễn Văn Thư (*chồng bà Hoa*), sinh năm 1952; anh Nguyễn Minh Thanh (*con bà Hoa*), sinh năm 1983. Cùng trú tại: Ngách 142/72 Giáp Nhị, tổ 20, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội và chị Nguyễn Như Quỳnh (*con bà Hoa*), sinh năm 1982. Trú tại: Số 50 ngõ 260 Nguyễn Chính, tổ 29, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền của ông Thư, anh Thanh, chị Quỳnh* là bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1968. Trú tại: Tổ 28, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Có mặt bà Xuân.

3.1.2. Ông Nguyễn Trung Châu, sinh năm 1959 (*bị đơn*). Có mặt;

3.1.3. Ông Nguyễn Bảo Thạch, sinh năm 1965 (*nguyên đơn*). Có mặt.

3.1.4. Bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1968. Trú tại: Số 62, ngách 173/79 Nguyễn Chính, tổ 28, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Có mặt;

3.1.4. Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1972. Trú tại: Số 31, ngách 48 ngõ 180 Nam Dư, tổ 7, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Có mặt;

3.2. Bà Bùi Thị Thân, sinh năm 1967 (*Vợ ông Thạch*). Trú tại: Số 19 đường bờ sông Sét, Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội. Có mặt;

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trung Châu là bị đơn. Có mặt ông Châu và người đại diện theo ủy quyền là bà Vân Anh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, tại cấp sơ thẩm:

1. Nguyên đơn- ông Nguyễn Bảo Thạch trình bày:

Bố ông là Nguyễn Trung Ngọc (*chết ngày 02/11/2007, không để lại di chúc*); mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Tở, sinh năm 1933 (*bố mẹ ông kết hôn năm 1955*). Có 6 con chung, gồm:

- Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1957 (*Chết năm 1992 – có chồng là ông Nguyễn Văn Thư, sinh năm 1952 và hai con là Nguyễn Như Quỳnh, sinh năm 1982 và Nguyễn Minh Thanh, sinh năm 1983*);

- Nguyễn Trung Châu, sinh năm 1959;

- Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1962;

- Nguyễn Bảo Thạch, sinh năm 1965;

- Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1968;

- Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1972.

Cụ Ngọc, cụ Tở không có con riêng, con nuôi. Bố mẹ của cụ Ngọc đã chết trước cụ Ngọc.

Cụ Ngọc, cụ Tở có tài sản chung là nhà 5 gian cấp 4 cũ và quyền sử dụng đất tại số 19 đường Bờ sông Sét, tổ 35 (*nay là tổ 28*) Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

- Ông Châu kết hôn năm 1984; năm 1991 bố mẹ ông chia cho ông Châu khoảng 100m² đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 3, tại: Số 19 đường Bờ sông Sét, tổ 35 (*nay là tổ 28*) Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội (*Sau đây viết tắt là thửa đất số 108*). Phần đất mà ông Châu được chia có một gian nhà thuộc ngôi nhà 5 gian nên ông Châu phá dỡ gian nhà này để xây nhà trên móng cũ của gian nhà đã dỡ. Gia đình ông và bố mẹ ông ở tại 4 gian nhà và phần diện tích đất còn lại. Ngày 15/01/1992 UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A007266 (*Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số A007266*) cho cụ Nguyễn Trung Ngọc với diện tích 246m².

- Năm 1994, do bố mẹ ông đã cao tuổi không còn sức lao động, căn nhà cấp 4; 4 gian còn lại xuống cấp, hư hỏng nặng nên bố mẹ ông đồng ý cho vợ chồng ông dỡ, vay tiền ngân hàng xây lại trên nền móng cũ, sau này sửa chữa, nâng cấp thành ngôi nhà đang sử dụng hiện nay.

- Năm 2004, Nhà nước thu hồi đất để phục vụ dự án thoát nước Hà Nội, diện tích thực tế thửa đất số 108 tại thời điểm thu hồi là 225,7m²; Nhà nước thu

hồi một phần, còn lại là 120,8m², do ông (Thạch) quản lý, sử dụng; sống cùng vợ con và bố mẹ ông.

- Ngày 02/11/2007 cụ Ngọc chết. Ngày 17/04/2011, gia đình ông đã họp chia thừa kế, tất cả mọi người trong hàng thừa kế thứ nhất (*có cả ông Châu*) thống nhất giao toàn bộ thửa đất 108 cho ông (Thạch) được toàn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng.

- Năm 2014, do căn nhà vợ chồng ông xây dựng năm 1994 đã xuống cấp nên ông tiến hành thủ tục sang tên GCNQSDĐ số A007266 để xin phép xây dựng nhà mới thì ông Châu không đồng ý và đòi được hưởng thêm từ 30-40m² đất tại thửa đất số 108 thì mới chấp nhận.

- Ngày 13/09/2020, ông gọi điện thoại báo cho tất cả các anh chị em và các cháu đến nhà ông vào lúc 19 giờ tối để họp gia đình về việc chia thừa kế. Đến khoảng gần 09 giờ sáng cùng ngày thì ông Châu sang chửi bới và đòi hưởng 17m² đất trong thửa đất số 108. Buổi tối hôm đó ông Châu không đến họp, nhưng cuộc họp vẫn tiến hành với sự có mặt của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngọc (*trừ ông Châu*). Mọi người có mặt đều nhất trí từ chối nhận thừa kế và để cho ông (Thạch) được quyền quản lý, sử dụng. Cụ Tổ cũng cho tặng ông toàn bộ phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Ngọc là 1/2 thửa đất số 108 và phần mà cụ Tổ được hưởng thừa kế từ cụ Ngọc.

Việc ông Châu phản đối không thực biên bản họp gia đình về việc chia thừa kế năm 2011, không tham gia cuộc họp ngày 13/09/2020 đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông, khiến ông không thể thực hiện thủ tục sang tên GCNQSDĐ, không thể xin phép xây dựng nhà ở.

Trước đó, ngày 27/7/2007 bố mẹ ông đã lập chung văn bản để lại cho ông toàn bộ 246m² đất ở tại thửa đất số 108. Người chứng kiến là luật sư Nguyễn Hồng Sơn (*hiện ông Sơn ở đâu, ông không biết*), nhưng do di chúc này không hợp lệ nên không sang tên chuyển chủ sang tên ông được. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ngọc là quyền sử dụng 1/2 thửa đất số 108 (*sau khi bị thu hồi còn lại là 120,8m²; phần của cụ Ngọc tương ứng 60,4m²*) theo pháp luật. Nhà ở và tài sản khác gắn liền với trên thửa đất số 108 là do vợ chồng ông xây dựng từ 1994 đến nay, không phải là di sản do của cụ Ngọc để lại nhưng vợ chồng ông không đề nghị xem xét, nếu có yêu cầu vợ chồng ông tự phá dỡ và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với phần tiền được đền bù khi Nhà nước thu hồi đất tại thửa đất số 108 thì cụ Ngọc còn sống là người kí nhận và định đoạt ông không biết.

Phần của cụ Tổ trong khối tài sản chung vợ chồng tương ứng 60,4m² và phần cụ Tổ được hưởng thừa kế từ cụ Ngọc; kỷ phần mà những người thừa kế thế vị của bà Hoa và các bà Đào, Xuân, Lan được hưởng thừa kế từ cụ Ngọc đã thống nhất cho ông, ông xin nhận và đề nghị được nhận bằng hiện vật.

2. Bị đơn - ông Nguyễn Trung Châu trình bày:

Ông nhất trí về quan hệ huyết thống đúng như ông Thạch trình bày.

Nguồn thửa đất số 108 diện tích 246m² mà ông Thạch khởi kiện chia thừa kế là do các cụ nội của ông là cố Nguyễn Tôn Sang (*chết năm 1973, không để*

lại di chúc) và cố Trần Thị Tường (*chết năm 1997, không để lại di chúc*) để lại. Ngày 15/01/1992, cụ Ngọc được UBND huyện Thanh Trì cấp GCNQSDĐ số A007266 đối với thửa đất số 108 diện tích 246m².

Năm 2004. Nhà nước thu hồi một phần thửa đất số 108 và đền bù bằng tiền, không trả đất tái định cư, cụ Ngọc có gọi ông sang hỏi ý kiến không muốn lấy tiền đền bù vì diện tích thu hồi lớn, nhưng cho đến khi cụ Ngọc chết cũng không thấy nói gì về việc đã nhận tiền đền bù. Ông chỉ nghe nói ông Thạch buộc cụ Ngọc viết di chúc cho ông Thạch nhận tiền đền bù năm 2005, nay ông lại nghe ông Thạch cung cấp tại Tòa án là vào năm 2007 (trước khi bố ông chết 4 tháng) đã viết di chúc cho vợ chồng ông Thạch 246m² thửa đất số 108. Thực tế nhà đất này hiện nay cụ Tở đang quản lý, sử dụng. Ông khẳng định toàn bộ diện tích đất này là của các cụ chết để lại cho bố mẹ ông. Phần diện tích đất Nhà nước thu hồi bố ông chưa nhận tiền đền bù. Ngoài thửa đất số 108, bố ông và các cụ ông là xã viên hợp tác xã được giao cho đất canh tác theo khoán 10. Nhà nước đã thu hồi một phần vào năm 1998; còn lại ông không rõ là bao nhiêu. Khẳng định diện tích đất ở còn lại mang tên cụ Ngọc là tài sản do các cụ nội của ông là cố Sang và cố Tường để lại. Nay ông đề nghị chia thừa kế theo pháp luật 120,8m² đất ở còn lại + tiền đền bù đất nhà nước thu hồi + đất ruộng cấy nhà nước giao cho cụ Ngọc. Ông xin nhận kỷ phần bằng hiện vật. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu ông cung cấp tài liệu chứng cứ về khoản tiền đền bù và đất ruộng cấy nhưng ông không có tài liệu cung cấp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ Tở (Khi còn sống) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về quan hệ huyết thống đúng như ông Thạch trình bày. Thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng: Cụ Tở, cụ Ngọc có khối tài sản như ông Thạch trình bày. Năm 1992 vợ chồng cụ chia cho ông Châu khoảng 100m². Năm 1992 Nhà nước cấp GCNQSDĐ số A007266 mang tên cụ Ngọc, diện tích 246m². Năm 2004 nhà nước thu hồi một phần để làm dự án thoát nước diện tích còn lại thực tế là 120,8m², hiện nay do cụ Tở và ông Thạch quản lý. Năm 1994, các cụ đã cho vợ chồng ông Thạch phá dỡ nhà cũ để xây dựng lại nhà làm nơi thờ cúng và chỗ ở cho cả gia đình. Vợ chồng ông Thạch vay tiền ngân hàng để xây nhà, cụ Ngọc và cụ không có đóng góp gì.

Nay ông Thạch đề nghị chia di sản thừa kế, cụ Tở nhất trí và có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án xác định, phân chia cho cụ Tở phần tài sản chung của vợ chồng trong khối tài sản chung cụ với cụ Ngọc, mỗi cụ được hưởng 1/2 trong 120,8m² đất tại thửa số 108. Đề nghị Tòa án chia cho các thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần của cụ được chia tài sản chung vợ chồng (*Tương ứng 60,4 m²*) và kỷ phần được thừa kế từ cụ Ngọc, cụ Tở cho ông Thạch được hưởng toàn bộ, không yêu cầu phải trả tiền cho cụ. Mọi ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của cụ cũng chính là ý kiến của cụ.

3.2. Các bà Đào, Xuân, Lan; chị Quỳnh và anh Thanh (là con của bà Hoa, là người thừa kế của bà Hoa) đều thống nhất trình bày:

Nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày về quan hệ huyết thống cũng như di sản do cụ Ngọc để lại như nguyên đơn trình bày. Nhất trí với việc ông Thạch yêu cầu chia di sản của cụ Ngọc để lại theo pháp luật, kỷ phần mà họ được hưởng thừa kế từ cụ Ngọc thì họ đều cho ông Thạch được hưởng.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thân trình bày:

Bà là vợ ông Thạch nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày của ông Thạch.

- Tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm thấy anh Trần Văn Bảo và anh Trần Thanh Hà là người đang thuê của hàng của ông Thạch tại thửa đất số 108; đã tiến hành lấy lời khai của họ. Hai anh trình bày: Các anh là người thuê cửa hàng của ông Thạch, bà Thân làm ăn kinh doanh không có quyền lợi liên quan gì đến vụ án đã có đơn đề nghị Tòa án không đưa các anh tham gia tố tụng.

- UBND phường Thịnh Liệt cung cấp: Thửa đất đang tranh chấp thuộc tờ bản đồ số 2 năm 1960 ghi tên chủ sử dụng là cố Nguyễn Tôn Sang (bố đẻ cụ Ngọc), tại sổ dã ngoại năm 1987, năm 1991 mang tên cụ Ngọc. Năm 2004, Nhà nước thu hồi đất để phục vụ dự án thoát nước Hà Nội, thửa đất số 108 diện tích thực tế cụ Ngọc sử dụng tại thời điểm thu hồi đất là 225,7m²; Nhà nước đã thu hồi một phần, còn lại là 120,8m² do ông Thạch quản lý, sử dụng.

Hội đồng định giá cấp sơ thẩm xác định: Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 108 là 80.000.000 đồng/m². Các tài sản trên đất do gia đình ông Thạch phát triển được

Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 16/8/2022, TAND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Quyết định:.....

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bảo Thạch.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Nguyễn Thị Tổ.

3. Xác nhận phần tài sản chung của cụ Nguyễn Thị Tổ là 120,8m² : 2 = 60,4m².

4. Cụ Nguyễn Trung Ngọc chết ngày 02/11/2007; thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Ngọc để lại là ngày 02/11/2007. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Ngọc gồm có: Cụ Nguyễn Thị Tổ; ông Nguyễn Trung Châu, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1962; ông Nguyễn Bảo Thạch, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1972; bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1957 (đã chết năm 1992) nên hàng thừa kế thế vị của bà Hoa là chị Nguyễn Như Quỳnh và anh Nguyễn Minh Thanh.

5. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trung Ngọc để lại là 60,4m² đất ở tại: Số 19 đường bờ sông Sét, tổ 35 (nay là tổ 28) Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (Thửa 108, tờ bản đồ số 3, có GCN QSDĐ số A007266 do UBND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội cấp ngày 15/01/1992) trị giá = 4.832.000.000đ (Bốn tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu đồng). Có các cạnh như sau: Phía tây nam giáp đường bờ sông Sét; phía tây bắc giáp nhà ông Nguyễn Trung Châu; phía đông nam và đông bắc giáp nhà ông Nguyễn Tôn Việt.

6. Chia thừa kế cụ thể như sau: $60,4m^2 : 8 = 7,55m^2$. Mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng $7,55m^2$ đất ở.

- Ông Nguyễn Bảo Thạch được hưởng 2 kỹ phần: $7,55m^2 \times 2 = 15,1 m^2$.

- Ông Nguyễn Trung Châu, cụ Nguyễn Thị Tở; bà Nguyễn Thị Đào; bà Nguyễn Thị Xuân; bà Nguyễn Thị Lan; chị Nguyễn Như Quỳnh và anh Nguyễn Minh Thanh (được hưởng kỹ phần thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Hoa). Mỗi người được hưởng $7,55m^2$ đất ở.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Thị Tở; bà Nguyễn Thị Đào; bà Nguyễn Thị Xuân; bà Nguyễn Thị Lan; chị Nguyễn Như Quỳnh và anh Nguyễn Minh Thanh nhường kỹ phần thừa kế được chia cho ông Nguyễn Bảo Thạch được quyền quản lý, sử dụng không phải trả chênh lệch bằng tiền.

8. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Thị Tở tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung với cụ Ngọc mà cụ Tở được hưởng cho ông Nguyễn Bảo Thạch được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

9. Giao cho ông Nguyễn Bảo Thạch được quyền quản lý và sử dụng $120,8m^2$ đất ở tại (Thửa 108, tờ bản đồ số 3, có GCN QSDĐ số A007266 do UBND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội cấp ngày 15/01/1992).

10. Ông Nguyễn Bảo Thạch có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Trung Châu số tiền là: $7,55m^2 \times 80.000.000đ/m^2 = 604.000.000đ$ (Sáu trăm linh bốn triệu đồng).

11. Ông Nguyễn Bảo Thạch có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai, điều chỉnh biến động đất đai theo quy định của pháp luật đất đai trên cơ sở quyết định của bản án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về: Nghĩa vụ do chậm thi hành án; quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Ông Châu là bị đơn, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của TAND quận Hoàng Mai.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Vân Anh đại diện theo ủy quyền của ông Châu- người kháng cáo trình bày tranh luận:

Diện tích $120,8m^2$ đất còn lại mang tên cụ Ngọc có nguồn gốc do các cụ của bố mẹ cụ Ngọc chết không để lại di chúc. Ông Châu đề nghị chia thừa kế diện tích đất còn lại $120,8m^2$ đất ở + tiền đền bù đất Nhà nước thu hồi + đất ruộng cây nhà nước giao cho cụ Ngọc theo pháp luật. Nhưng cấp sơ thẩm không xem xét xác minh đầy đủ về: Tiền đền bù đất + đất ruộng cây cụ Ngọc được giao; không xem xét phân chia là vi phạm nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết vụ án lại để điều tra xác minh đầy đủ. Thừa nhận tại cấp sơ thẩm ông Châu không có yêu cầu phản tố. Đối với bản di chúc ngày 07/6/2019 của cụ Tở trước khi chết để lại, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật giải quyết.

Ông Châu nhất trí toàn bộ ý kiến tranh luận của bà Vân Anh.

Ông Thạch phát biểu tranh luận:

Ông không kháng cáo, giữ nguyên các quan điểm đã trình tại sơ thẩm. Đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Do cụ Tở đã chết, ông xuất trình bản di chúc ngày 07/6/2019 của cụ Tở đề nghị Hội đồng căn cứ pháp luật giải quyết.

Bà Xuân đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Phúc, anh Thanh, chị Quỳnh; bà Đào, bà Lan trình bày tranh luận: Giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Nay do cụ Tở đã chết, kỷ phần mà bà Xuân, anh Thanh, chị Quỳnh được hưởng thừa kế thế vị của bà Hoa từ cụ Ngọc, cụ Tở. Đề nghị tặng cho ông Thạch toàn bộ.

+ *Bà Thân trình bày tranh luận:* Giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và nhất trí quan điểm trình bày của ông Thạch.

Các đương sự không thỏa thuận được về cách giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết, tiến hành phiên tòa phúc thẩm đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đơn kháng cáo thực hiện trong hạn luật định.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm, đương sự xuất trình bản di chúc ngày 07/6/2019 của cụ Tở. Xác định bản di chúc này có hiệu lực. Chia phần di sản mà cụ Tở được chia tài sản chung vợ chồng với cụ Ngọc cho ông Thạch. Phần cụ Tở được hưởng thừa kế của cụ Ngọc chưa được định đoạt trong bản di chúc của cụ Tở. Đề nghị chia đều cho 06 kỷ phần thừa kế của cụ Tở mỗi người một kỷ phần. Giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm giao toàn bộ 120,8m² đất cho ông Thạch, buộc ông Thạch thanh toán trả kỷ phần mà ông Châu được hưởng thừa kế từ cụ Ngọc, cụ Tở bằng tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về Tố tụng:**

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng Bộ luật tố tụng dân sự.
- Người kháng cáo thực hiện kháng cáo trong thời hạn luật định;
- Cụ Tở chết ngày 25/6/2023. Căn cứ thừa nhận của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Cấp phúc thẩm xác định và đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ gồm: Ông Châu, ông Thạch; các bà Đào, Xuân, Lan; chị Quỳnh và anh Thanh (*thừa kế thế vị của bà Hoa*) tham gia tố tụng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Tở;

[2] **Về nội dung:**

Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy:

Các đương sự đều xác định bố mẹ đẻ của cụ Ngọc đều chết trước cụ Ngọc; cụ Ngọc chỉ có vợ duy nhất là cụ Tở và các con đẻ là bà Hoa (*Chết năm 1992, có 02 con đẻ là chị Quỳnh và anh Thanh*), ông Châu, ông Thạch và các bà Đào, Xuân, Lan. Cấp sơ thẩm xác định: Cụ Ngọc chết ngày 02/11/2007, không

để lại di chúc (*Bản di chúc phô tô đề ngày 27/7/2007 các đương sự đều xác định không có hiệu lực pháp luật*); thời điểm mở thừa kế di sản của cụ là ngày cụ Ngọc chết; Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngọc gồm: Cụ Tở; bà Nguyễn Thị Hoa; ông Châu; bà ông Thạch và các bà Đào, Xuân, Lan. Là đúng quy định tại các Điều: 609,610, 611,613,623,649, 650,651,652 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Hoa chết trước cụ Ngọc, cụ Tở nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chị Quỳnh và anh Thanh (*con đẻ bà Hoa*) là người thừa kế thế vị bà Hoa. Cấp sơ thẩm xác định ông Thư - chồng của bà Hoa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác.

Về di sản thừa kế:

Căn cứ trình bày của các đương sự, cung cấp của UBND phường Thịnh Liệt và Thông báo số 593/TB-UBND ngày 21/12/2022 của UBND phường Thịnh Liệt do ông Châu xuất trình thì không có căn cứ để xác định cụ Ngọc còn diện tích đất nông nghiệp nào khác; ông Châu cũng không xuất trình được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào về khoản tiền đền bù do thu hồi đất mà cụ Ngọc đã nhận, quản lý sử dụng như thế nào. Tại cấp sơ thẩm ông Châu không có yêu cầu phản tố về các nội dung này, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết nên Hội đồng cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét. Mặt khác: Nếu ông Châu có căn cứ xác định cụ Ngọc, cụ Tở còn di sản để lại chưa được phân chia thừa kế trong vụ án này thì ông có quyền khởi kiện phân chia bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Nguồn gốc toàn bộ thừa đất (*bao gồm phần đất đã cho ông Châu; phần đất Nhà nước đã thu hồi và diện tích 120,8m² đất còn lại*) do bố mẹ cụ Ngọc là cố Sang (*chết năm 1973*) và cố Tường (*chết năm 1997*) để lại. Năm 1955 cụ Ngọc kết hôn với cụ Tở, được cố Sang và cố Tường cho vợ chồng cụ Ngọc; vợ chồng cụ Ngọc đã xây dựng 1 nhà cấp 4; 5 gian lợp ngói đỏ, sinh sống trên đất này. Do đó cấp sơ thẩm xác định toàn bộ nhà và diện tích đất này thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng cụ Ngọc- cụ Tở là đúng. Vợ chồng cụ Ngọc đã cho ông Châu 01 gian nhà và một phần đất; ông Châu đã phá dỡ gian nhà được cho xây dựng nhà mới và quản lý phần đất được cho; cụ Tở và các đương sự không đề nghị xem xét. Cấp sơ thẩm xác định: Phần đất mà ông Châu được cho là của ông Châu; các đương sự không đề nghị xem xét lại là đúng tinh thần Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao công bố ngày 06/4/2016.

Phần đất và 04 gian nhà còn lại là tài sản chung của vợ chồng cụ Ngọc và cụ Tở đã được cấp GCN QSDĐ số A007266. Năm 2004, Nhà nước thu hồi một phần đất, diện tích đất còn lại là 120,8m²; 4 gian nhà cấp bốn đã bị xuống cấp hư hỏng nặng, được sự đồng ý của cụ Ngọc, cụ Tở; ông Thạch đã phá dỡ; hai lần xây dựng, sửa chữa thành ngôi nhà trên đất hiện nay. Cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng diện tích 120,8m² còn lại là tài sản chung vợ chồng cụ Ngọc - cụ Tở; ngôi nhà các tài sản xây dựng gắn liền trên diện tích 120,8m² đất là của riêng vợ chồng ông Thạch là có căn cứ pháp luật và đúng với sự thừa nhận của các đương sự.

Cụ Tở có yêu cầu độc lập được chia tài sản chung vợ chồng. Cấp sơ thẩm nhận định: Diện tích 120,8 m² đất thực tế còn lại là tài sản chung vợ chồng cụ Ngọc - cụ Tở. Cụ Ngọc chết ngày 02/11/2007 không để lại di chúc. Chia tài sản chung vợ chồng cho cụ Ngọc – cụ Tở; mỗi cụ được 60,4m². Tương ứng trị giá bằng tiền là 4.832.000.000 đồng. Xác định công sức duy trì khối di sản do cụ Ngọc để lại của ông Thạch tương ứng bằng một kỷ phần thừa kế là đúng quy định tại Điều 618, 658 Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND dân tối cao.

Cấp sơ thẩm xác định: Cụ Ngọc có 07 kỷ phần thừa kế gồm: Cụ Tở, bà Hoa (*do chị Quỳnh và anh Thanh thừa kế thế vị*), ông Châu, ông Thạch và các bà Đào, Xuân, Lan và 01 kỷ phần công sức duy trì, phát triển khối di sản. Nên di sản của cụ Ngọc là 60,4m². Tương ứng trị giá bằng tiền là 4.832.000.000 đồng được chia [4.832.000.000 đồng: 8 (07 kỷ phần thừa kế + 01 kỷ phần công sức duy trì di sản)] = 604.000.000 đồng. Là có căn cứ.

Do cụ Tở đã chết ngày 25/6/2023. Tại cấp phúc thẩm ông Thạch xuất trình bản di chúc ngày 07/6/2019 của cụ Tở có nội dung: Cụ Tở để lại cho ông Thạch toàn bộ phần tài sản riêng của cụ được hưởng trong khối tài sản chung vợ chồng với cụ Ngọc. Tại “Đơn yêu cầu độc lập” ngày 08/12/2021 của cụ Tở và “Bản tự khai” ngày 27/12/2021 cụ Tở và đại diện theo ủy quyền của cụ Tở là bà Xuân đều trình bày “Cụ Tở tặng cho ông Thạch phần tài sản riêng của cụ được phân chia trong khối tài sản chung với cụ Ngọc”. Do đó chỉ có căn cứ xác định phần tài sản trị giá 4.832.000.000 đồng mà cụ Tở được chia tài sản chung với cụ Ngọc, cụ Tở đã định đoạt cho ông Thạch được hưởng.

Riêng khoản 604.000.000 đồng mà cụ Tở được hưởng thừa kế từ cụ Ngọc, chưa có căn để xác định cụ đã định đoạt cho riêng ông Thạch nên được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tở gồm: Người thừa kế thế vị bà Hoa (*chị Quỳnh và anh Thanh thừa kế thế vị*), ông Châu, ông Thạch và các bà Đào, Xuân, Lan (06 kỷ phần) mỗi kỷ phần được (604.000.000 đồng /06 kỷ phần) = 100.666.666 đồng.

Sau hai lần mở thừa kế. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại phần di sản các đương sự được hưởng như sau:

Ông Châu được hưởng [604.000.000 đồng (*kỷ phần hưởng thừa kế từ cụ Ngọc*) + 100.666.666 đồng (*kỷ phần hưởng thừa kế của cụ Tở trong kỷ phần mà cụ Tở được hưởng thừa kế của cụ Ngọc*)] = 704.666.666 đồng.

Bà Hoa (*do chị Quỳnh và anh Thanh thừa kế thế vị*) và các bà Đào, Xuân, Lan mỗi kỷ phần được hưởng [604.000.000 đồng (*kỷ phần thừa kế từ cụ Ngọc*) + 100.666.666 đồng (*kỷ phần thừa kế của cụ Tở từ phần cụ Tở được hưởng thừa kế của cụ Ngọc*)] = 704.666.666 đồng. Tổng 04 kỷ phần này là 2.818.666.664 đồng. Ghi nhận việc chị Quỳnh, anh Thanh (*thừa kế thế vị bà Hoa*) và các bà Đào, Xuân, Lan tặng cho toàn bộ kỷ phần mà họ được hưởng cho ông Thạch. Do đó ông Thạch được hưởng [1.208.000.000 đồng (01 kỷ phần thừa kế từ cụ Ngọc + 01 kỷ phần công sức) + 4.832.000.000 đồng (*phần tài sản riêng của cụ Tở được hưởng tài sản vợ chồng*) + 100.666.666 đồng (*kỷ*

phần thừa kế của cụ Tở từ phần cụ Tở được hưởng thừa kế của cụ Ngọc) + 2.818.666.664 đồng (phần do người thừa kế thế vị bà Hoa và các bà Đào, Xuân, Lan tặng cho] = 8.959.333.330 đồng.

Ông Châu đề nghị được hưởng kỷ phần thừa kế từ cụ Ngọc, cụ Tở bằng hiện vật. Tuy nhiên ông được hưởng thừa kế trị giá 704.666.666 đồng tương ứng quyền sử dụng 8,80333m² đất là diện tích quá nhỏ không đủ điều kiện tách thửa theo quy định của UBND Thành phố Hà Nội. Mặt khác ông Châu cũng đã được cụ Ngọc-cụ Tở cho 100m² đất ở hiện đang sử dụng ổn định, cấp sơ thẩm giao toàn bộ 120,8 m² đất cho ông Thạch và buộc ông Thạch thanh toán kỷ phần thừa kế giá trị bằng tiền cho ông Châu là có căn cứ. Theo đó. Giao cho ông Thạch được hưởng toàn bộ 120,8m²đất trị giá 9.664.000.000đồng. Đối chiếu với phần ông thực được hưởng (8.959.333.330 đồng) thì ông Thạch chênh lệch thừa 704.666.670 đồng cần buộc ông Thạch phải thanh toán trả ông Châu 704.666.666 đồng (*lệch 4 đồng do làm tròn số, không đáng kể nên không xét*).

Do cụ Tở đã chết, cần phải phân chia lại di sản thừa kế. Phần quyết định của bản án sơ thẩm không nêu rõ ông Thạch được quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên đất mà ông Thạch được chia; quyền mang giấy GCNQSDĐ số A007266 đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai, xin cấp mới, đổi lại hoặc đính chính chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Ông Châu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Châu: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nhận định trên.

Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

3.1. Về nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Thạch được hưởng phần di sản thừa kế trị giá 8.959.333.330 đồng. Trong đó có phần của bà Đào trị giá 704.666.666 đồng. Bà Đào là người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn án phí nên miễn án phí cho kỷ phần của bà Đào. Ông Thạch còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với (8.959.333.330 đồng - 704.666.666 đồng) = 8.254.666.664 đồng. Án phí phải chịu là [112.000.000 đồng + 0,1% (8.254.666.664 đồng – 4.000.000.000 đồng)] = 116.254.667 (*làm tròn là 116.254.000*) đồng. Được đối trừ với tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

- Ông Nguyễn Trung Châu, sinh năm 1959 là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Do sửa án sơ thẩm nên ông Châu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được hoàn trả lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147,148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều: 609,610,611,613,623,649,650,651,652,658,660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959;
- Án lệ số 03/2016/AL; Án lệ số 05/2016/AL.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật người cao tuổi.

Xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trung Châu. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của TAND quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Bảo Thạch về việc đề nghị chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Trung Ngọc để lại theo pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Nguyễn Thị Tở về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng giữa cụ Nguyễn Trung Ngọc với cụ Nguyễn Thị Tở. Xác nhận tài sản chung vợ chồng cụ Nguyễn Trung Ngọc với cụ Nguyễn Thị Tở là quyền sử dụng 120,8m² đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 3; GCNQSDĐ số A007266 do UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 15/01/1992 cho cụ Nguyễn Trung Ngọc tại địa chỉ: Số 19 đường bờ sông Sét, tổ 35 (nay là tổ 28) Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Trị giá thành tiền là 9.664.000.000 đồng. Chia tài sản chung vợ chồng cho cụ Nguyễn Trung Ngọc và cụ Nguyễn Thị Tở: Mỗi cụ được hưởng trị giá thành tiền là 4.832.000.000 đồng.

3. Xác định cụ Nguyễn Trung Ngọc chết ngày 02/11/2007 không để lại di chúc (*Bản di chúc để ngày 27/7/2007 không hợp pháp*); thời điểm mở thừa kế của cụ Ngọc là ngày cụ chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngọc gồm: Cụ Nguyễn Thị Tở; bà Nguyễn Thị Hoa (*do chị Nguyễn Như Quỳnh và anh Nguyễn Minh Thanh thừa kế thế vị*); ông Nguyễn Trung Châu; ông Nguyễn Bảo Thạch và các bà Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Lan,

3.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trung Ngọc để lại trị giá thành tiền là 4.832.000.000 đồng. Trích 604.000.000 đồng thanh toán công sức duy trì khôi di sản do cụ Ngọc để lại cho ông Nguyễn Bảo Thạch.

3.2. Chia thừa kế di sản do cụ Nguyễn Trung Ngọc để lại theo pháp luật cho: Cụ Nguyễn Thị Tở; bà Nguyễn Thị Hoa (*do chị Nguyễn Như Quỳnh và anh Nguyễn Minh Thanh là thừa kế thế vị*); ông Nguyễn Trung Châu; ông Nguyễn Bảo Thạch và các bà Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Lan; mỗi kỷ phần được hưởng kỷ phần thừa kế trị giá 604.000.000 đồng.

4. Xác định cụ Nguyễn Thị Tở chết ngày 25/6/2023. Thời điểm mở thừa kế của cụ Tở là ngày cụ chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tở gồm: Bà Nguyễn Thị Hoa (*do chị Nguyễn Như Quỳnh và anh Nguyễn Minh Thanh thừa kế thế vị*); ông Nguyễn Trung Châu; ông Nguyễn Bảo Thạch và các bà Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Lan.

4.1. Xác nhận Bản di chúc do cụ Nguyễn Thị Tở lập ngày 07/6/2019 là hợp pháp. Ông Nguyễn Bảo Thạch được hưởng thừa kế theo Bản di chúc ngày 07/6/2019 đối với số tiền 4.832.000.000 đồng (*Khoản cụ Tở được chia riêng trong khối tài sản chung vợ chồng với cụ Ngọc*)

4.2. Xác định khoản 604.000.000 đồng mà cụ Nguyễn Thị Tở được hưởng thừa kế từ cụ Nguyễn Trung Ngọc được chia thừa kế theo pháp luật cho: Bà Nguyễn Thị Hoa (*do chị Nguyễn Như Quỳnh và anh Nguyễn Minh Thanh thừa kế thế vị*); ông Nguyễn Trung Châu; ông Nguyễn Bảo Thạch và các bà Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Lan. Mỗi kỹ phần được hưởng 100.666.666 đồng.

5. Ghi nhận việc: Chị Nguyễn Như Quỳnh, anh Nguyễn Minh Thanh (*là thừa kế thế vị của bà Hoa*) và các bà Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Lan tự nguyện tặng cho toàn bộ kỹ phần thừa kế mà họ được hưởng từ cụ Ngọc, cụ Tở cho ông Nguyễn Bảo Thạch.

6. Xác định sau hai lần chia thừa kế (*của cụ Ngọc, cụ Tở*).

5.1. Ông Nguyễn Trung Châu được hưởng thừa kế có tổng trị giá thành tiền là 704.666.666 đồng.

5.2. Ông Nguyễn Bảo Thạch được hưởng thừa kế có tổng trị giá thành tiền là 8.959.333.330 đồng.

6. Chia (Giao) cho ông Nguyễn Bảo Thạch được quản lý, sử dụng 120,8m² đất và sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất (*Nhà mái bằng, quán bán hàng, các công trình xây dựng gắn liền trên 120,8m² đất được giao*) thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 3; GCNQSDĐ số A007266 do UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 15/01/1992 cho cụ Nguyễn Trung Ngọc tại địa chỉ: Số 19 đường bờ sông Sét, tổ 35 (*nay là tổ 28*) Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Giới hạn bởi các điểm: 9,10,11,1,2,3,4,5,6,7,8,9 trong sơ đồ kèm theo bản án.

Ông Nguyễn Bảo Thạch có quyền, nghĩa vụ chủ động giao nộp GCNQSDĐ số A007266 do UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 15/01/1992 cho cụ Nguyễn Trung Ngọc, liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia (giao); đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh tên chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia (giao) theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

7. Buộc ông Nguyễn Bảo Thạch phải thanh toán trả ông Nguyễn Trung Châu số tiền 704.666.666 (*Bảy trăm linh bốn triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất 10%/năm (*theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015*).

8. Về án phí:

8.1. Ông Nguyễn Bảo Thạch phải chịu 116.254.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được đối trừ với 14.000.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006022 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng

Mai. Ông Nguyễn Bảo Thạch còn phải nộp 102.254.000 (*Một trăm linh hai triệu, hai trăm lăm mươi bốn nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Trung Châu; ông Châu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003306 ngày 22/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận Hoàng Mai;
- Chi Cục THADS quận Hoàng Mai;
- Lưu HSV/VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ MINH HOÀNG